

Bản án số: 54/2019/HNGĐ- ST
Ngày 18- 10-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung giữa chị C1 và anh
L1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiến và bà Tô Thị Liễu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang– Kiểm sát viên.

Trong ngày 18- 10 - 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị C1, sinh ngày 06- 08- 1986; Nơi cư trú : Xóm xxx, thôn N1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.*Bị đơn:* Anh Trần Văn L1, sinh ngày 03- 07- 1976; Nơi cư trú: Thôn V1, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 28- 03- 2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị C1 trình bày: Chị và anh L1 tự nguyện đăng ký kết hôn ; đã được Ủy ban nhân dân xã T3 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 16- 01- 2008. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 nhưng vẫn sống cùng nhau; đến tháng 01- 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã T1 làm ăn và sinh sống; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp; vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, vợ chồng không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Do vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ vợ chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài , mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng ly hôn anh Lừu. Vợ chồng có 01 con chung là Trần Mạnh D1, sinh ngày 26- 11- 2008. Chị đề nghị giao con cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung , không có nợ chung , không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Ông Trần Văn L2 là bố đẻ anh L1 trình bày: Do anh L1 đi làm ăn ở xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên ông đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi anh L1; ông đã giao cho anh L1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Ông xác định về việc kết hôn, về con chung, về tình trạng hôn nhân của anh L1- chị C1 giống như chị C1 trình bày. Vợ chồng anh L1- chị C1 không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do anh L1 vắng mặt, chị C1 yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Ngày 18- 09- 2019, Tòa án nhận được đơn đề nghị của anh L1 về việc xin được nuôi con chung sau ly hôn đề ngày 11- 09- 2019. Anh trình bày: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp dẫn đến không hạnh phúc nên chị C1 có đơn xin ly hôn. Anh có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Mạnh D1; không yêu cầu chị C1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị C1 ly hôn anh L1; giao con chung Trần Mạnh D1 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng; anh L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Nguyên đơn là chị C1 không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị C1 phải nộp 300.000đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ, đã được giao các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn mới nộp đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1; Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Khoản 1; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị C1 và anh L1 là tự nguyện và hợp pháp. Khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên chị C1 đã về nhà bố mẹ chị sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị C1- anh L1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị C1 ly hôn anh L1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị C1- anh L1 có 01 con chung là Trần Mạnh D1, sinh ngày 26- 11- 2008. Chị C1, anh L1 và con chung cùng có nguyện vọng giao anh L1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Từ khi anh chị không sống cùng nhau thì con chung sống cùng anh L1; hiện đang học tại trường Trường Trung học cơ sở xã T3. Ban giám hiệu nhà trường xác nhận quá trình học tập, sinh hoạt luôn ổn định và đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu để tránh sự xáo trộn. Vì vậy, tuy anh L1 vắng mặt nhưng để đảm bảo sự ổn định cho con chung, cần áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình xử giao con chung cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị C1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị C1 ly hôn anh Trần Văn L1.

2. Về con chung: -Chị C1 và anh L1 có 01 con chung là Trần Mạnh D 1, sinh ngày 26- 11- 2008.

-Xử giao con chung Trần Mạnh D1 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị C1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001803

ngày 16- 05 - 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
Chị C1 đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T3,
huyện T2, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng